

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn cho Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên.

- Tên gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn cho Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên

- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Tổ 13, Phường Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước năm 2026; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II, 2026

- Loại hợp đồng: Trọn gói

- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Yêu cầu nhà thầu mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. ***Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn*** so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.

Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

(1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so sánh với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (đính kèm file word/excel tại E-HSDT):

<i>STT</i>	<i>Tên hàng hoá</i>	<i>Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu</i>	<i>Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu</i>	<i>Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT</i>	
				<i>Tài liệu tham chiếu bằng tiếng Anh</i>	<i>Tài liệu tham chiếu bằng tiếng Việt (Lưu ý: Nhà thầu phải đảm bảo tính chính xác giữa nội dung tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự sai khác, Tổ chuyên gia sẽ yêu cầu làm rõ E-HSDT. Việc nhà thầu cố tình dịch sai nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, tùy mức độ có thể được coi là hành vi gian lận)</i>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
1	Theo HSMT	Tên hàng hoá theo HSMT	- Tên hàng hoá theo Số lưu hành TBYT: ... - Tên thương mại (nếu có): Tên hàng hóa theo số công bố lưu hành, hoặc theo chứng từ nhập hàng (trong trường hợp có sự sai khác với Tên hàng hoá theo HSMT). - Model: ... - Nhà sản xuất: ... - Xuất xứ: ... - Chủ sở hữu (nếu có): ...		
		Mô tả hàng hóa của E-HSMT	Mô tả hàng hóa của E-HSDT (chi tiết đáp ứng từng mục)	Dẫn chiếu từng chi tiết mô tả hàng hoá (trích dẫn cụ thể tới Trang... của Catalog/Tài liệu kỹ thuật và Mô tả hình ảnh... thuộc E-HSDT) (theo	

				ví dụ dưới đây bao gồm cả đoạn văn mô tả chi tiết nội dung đáp ứng) Đồng thời, nhà thầu cần đánh dấu (Highlight) trên tài liệu kỹ thuật thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT.
	Ví dụ:	Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080p$	Độ phân giải: $1920 \times 1080p$	Catalog trang 2 “Resolution: $1920 \times 1080p$ ”
		Nguồn sáng: LED hoặc tương đương	Nguồn sáng: LED	Catalog trang 2 “Light source: High power white led”
			Tiêu chí đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn	- Tài liệu chứng minh theo hướng dẫn bên trên về “Nội hàm tương đương” - Hoặc tài liệu chứng minh một số tính năng kỹ thuật của E-HSMT đưa ra là tiêu chí không cơ bản (thông số phụ việc không đáp ứng không làm ảnh hưởng tới tính năng sử dụng của hàng hoá dự thầu) kèm theo dẫn chứng pháp lý và khoa học cụ thể (không chấp nhận các lập luận tự suy diễn) để Tổ chuyên gia xem xét đánh giá “Chấp nhận được”.
			Tiêu chí gây hạn chế nhà thầu (không được xem xét và đánh giá)	Tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật chỉ có duy nhất 01 nhà sản xuất đáp ứng
Nhà thầu cam kết những nội dung kê khai nêu trên là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin kê khai. Trường hợp Nhà thầu cố tình kê khai thông tin / dịch tài liệu kỹ thuật không đúng với Thông số kỹ thuật mà Nhà sản xuất công bố nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của E-HSMT và pháp luật về đấu thầu				

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

Stt	Yêu cầu về đặc tính, cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
1	Máy siêu âm 4D

Stt	Yêu cầu về đặc tính, cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
	A - Yêu cầu chung
	- Năm sản xuất: 2025 trở về sau, mới 100%
	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485
	- Nguồn điện sử dụng: 220 V; 50Hz.
	- Môi trường hoạt động:
	Môi trường hoạt động:
	+ Thiết bị có khả năng hoạt động ở nhiệt độ tối đa: ≥ 35 độ C
	+ Thiết bị có khả năng hoạt động ở độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$.
	B - Yêu cầu cấu hình
	- Máy chính và phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm:
	- Máy chính: 01 cái
	- Màn hình quan sát: 01 cái
	- Màn hình điều khiển: 01 cái
	- Đầu dò convex: 01 cái
	- Đầu dò linear: 01 cái
	- Đầu dò khối: 01 cái
	- Phần mềm tổng quát: 01 bộ
	- Phần mềm siêu âm sản khoa 3D/4D: 01 bộ
	- Card thu hình ảnh từ siêu âm sang máy tính: 01 cái
	- Gel siêu âm: 01 lọ
	- Bộ máy tính full: 01 bộ
	- Máy in màu: 01 máy
	- Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 bộ
	C - Chỉ tiêu kỹ thuật
	- Thiết bị siêu âm sử dụng tối thiểu trong thăm khám: Ổ bụng, Sản khoa, Các bộ phận nhỏ, Cơ xương khớp, Mạch máu, Tiết niệu, Tuyến vú,.....
	- Cổng cắm đầu dò: ≥ 04 cổng
	1/ Màn hình quan sát
	- Màn hình hiển thị:
	+ Loại màn hình LCD hoặc tương đương
	+ Kích thước $\geq 21,5$ inch
	+ Độ phân giải $\geq 1.920 \times 1.080$ pixel
	- Tỷ lệ tương phản khoảng: $\geq 1:1.000$
	- Có thể điều chỉnh độ sáng và độ tương phản

Stt	Yêu cầu về đặc tính, cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
	- Khả năng điều chỉnh màn hình:
	+ Nâng/Hạ: $\geq 145\text{mm}$
	+ Xoay: $\geq \pm 160^\circ$
	+ Nghiêng: $\geq +10^\circ / -90^\circ$
	2/ Màn hình điều khiển
	- Màn hình:
	+ Loại màn hình LCD hoặc tương đương, cảm ứng
	+ Kích thước $\geq 12,1$ inch
	+ Độ phân giải $\geq 1.280 \times 800$ pixel
	- Có thể điều chỉnh độ sáng và độ tương phản
	- Bàn phím, điều khiển TGC trên màn hình cảm ứng
	3/ Bảng điều khiển
	- Bàn phím có đèn nền
	- Có ≥ 9 phím trống (chưa cài đặt định dạng) để người sử dụng có thể cài đặt các thao tác
	- Bảng điều khiển có thể điều chỉnh:
	+ Điều chỉnh chiều cao khoảng: Hạ xuống $\geq 80\text{mm}$, nâng lên $\geq +135\text{ mm}$
	+ Xoay trái/phải khoảng: $\geq \pm 30^\circ$
	4/ Khả năng lưu trữ
	- Ổ cứng SSD: $\geq 250\text{GB}$
	- Có khả năng lưu trữ ≥ 916.000 hình.
	- Có Khả năng định dạng hình ảnh: DICOM
	5/ Chế độ hình ảnh
	Có các chế độ hình ảnh:
	- Chế độ 2D
	- Chế độ M
	- Chế độ M màu
	- Chế độ Doppler màu dòng chảy (CF)
	- Chế độ Doppler năng lượng (PD)
	- Chế độ Doppler xung (PWD)
	- Chế độ 3D/4D
	* Các chế độ hình ảnh có thể nâng cấp:
	- Chế độ siêu âm vi mạch
	- Chế độ siêu âm định lượng gan nhiễm mỡ

Stt	Yêu cầu về đặc tính, cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
	6/ Thông số hình ảnh
	- Dải tần số: $\leq 1 - \geq 25$ MHz
	- Số kênh xử lý tối thiểu: $\geq 43.000.000$ kênh
	- Độ sâu hiển thị hình ảnh: $\leq 1 - \geq 42$ cm
	- Thang xám: ≥ 256 mức
	- Dải động tối đa: ≥ 320 dB
	- Tiêu cự:
	+ số điểm tối đa: ≥ 5 điểm
	7/ Chế độ 2D
	- Dải động: tối đa ≥ 250 dB
	- Khả năng tăng cường cạnh: ≥ 7 mức
	- Khả năng điều chỉnh tần số theo loại đầu dò: ≥ 5 bước
	- Biểu đồ thang xám (phụ thuộc vào đầu dò): ≥ 13 loại
	- Có khả năng siêu âm chế độ hòa âm
	- Độ khuếch đại: 0 - 100
	- Mức khử nhiễu: ≥ 5 mức
	8/ Chế độ M-mode
	- Dải động: ≥ 150 dB
	- Biểu đồ thang xám (Phụ thuộc vào đầu dò): ≥ 13 loại
	- Độ khuếch đại: 0 - 100
	- Tốc độ quét: ≥ 5 mức:
	9/ Chế độ Doppler xung PW
	- Dải động: ≥ 4 mức hoặc dải điều chỉnh $\leq 30 - \geq 120$ dB
	- Tần số lặp lại xung (PRF) theo loại đầu dò: $\leq 0,3$ kHz $\sim \geq 29,99$ kHz
	- Vận tốc đo: $\leq 2,3$ cm/s - ≥ 7 m/s
	- Kích thước SV: $\leq 0,5 \sim \geq 20$ mm
	- Tốc độ quét: ≥ 10 bước
	10/ Chế độ Doppler màu CF/Doppler năng lượng PD
	- Khả năng chỉnh góc theo loại đầu dò: ≥ 7 bước
	- Bản đồ màu: $\leq 1 - \geq 15$ (CF)
	- Độ nhạy màu: ≥ 10 mức
	- Có tối thiểu các dạng trạng thái dòng chảy: Thấp, Trung bình, Cao
	- Độ khuếch đại: 0 - 100
	- Vận tốc đo CF theo loại đầu dò: ≤ 2 cm/s – ≥ 422 cm/s

Stt	Yêu cầu về đặc tính, cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
	- Khả năng làm mịn: ≥ 8 mức
	- Bộ lọc thành: ≥ 3 mức
	11/ Chế độ 3D, 4D
	- Góc quét: Khối Convex: $\leq 150^\circ - \geq 80^\circ$
	- Độ mờ: $\leq 20 - \geq 250$
	- Khả năng xóa nhiễu đốm 2D, 3D: $0 - \geq 5$ mức
	- Chế độ hình ảnh 3D/4D trực tiếp độ nét cao
	+ Có thể điều chỉnh, di chuyển hướng đèn chiếu
	12/ Đầu dò convex
	- Ứng dụng: Ổ bụng, cấp cứu, Phụ khoa, Sản khoa, Nhi, Tiết niệu.
	- Dải tần: $\leq 1 - \geq 7$ MHz
	- Số chấn tử: ≥ 192 chấn tử
	- Trường nhìn: $\geq 60^\circ$
	13/ Đầu dò linear
	- Ứng dụng: Cấp cứu, Cơ xương khớp, Tim mạch, Bộ phận nhỏ
	- Dải tần: $\leq 3 - \geq 15$ MHz
	- số chấn tử: ≥ 192 chấn tử
	- Trường nhìn: $\geq 38,4$ mm
	14/ Đầu dò khối 4D
	- Ứng dụng: Ổ bụng, Phụ khoa, Sản khoa, Nhi, Tiết niệu
	- Dải tần: $\leq 1 - \geq 8$ MHz
	- số chấn tử: ≥ 192 chấn tử
	- Trường nhìn: $\geq 79^\circ$
	15/ Cổng giao tiếp
	- Có ≥ 6 cổng USB
	- Có ≥ 1 cổng Audio out
	- Có ≥ 1 cổng HDMI
	- Có ≥ 1 cổng Network hoặc Ethernet

STT	Yêu cầu về đặc tính, cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
2	Nồi sắc thuốc đông y 25 lít
A	Yêu cầu chung
	- Năm sản xuất: 2025 trở về sau, mới 100%

	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương
	- Nguồn điện sử dụng: 1 Pha 220V/60Hz.
	- Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$
	+ Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$
B	Yêu cầu cấu hình
	- Máy chính: 01
	- Buồng chứa: 01
	- Nắp đậy: 01
	- Bảng điều khiển: 01
	- Tay quay ép: 01
	- Đồng hồ đo áp suất: 01
	- Van xả áp: 01
	- Chốt an toàn: 01
	- Van truyền chiết xuất: 01
	- Van vệ sinh: 01
	- Dây nguồn: 01
	- Tài liệu Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01
C	Chỉ tiêu kỹ thuật
	* Tính năng:
	Hệ thống áp suất: Miếng ép xoay bằng tay
	Tính năng: Hẹn giờ, chống quá nhiệt, tự chẩn đoán lỗi
	Nhiệt độ tối đa: 125°C
	Kích thước máy (mm): (R)450 × (D)450 × (C)1200
	Có chức năng hẹn giờ sắc thuốc
	Có khả năng điều chỉnh nhiệt độ sắc thuốc
	Khả năng điều chỉnh thời gian hoạt động
	Có tín hiệu đèn và âm thanh khi hoàn thành sắc thuốc
	Trang bị hệ thống báo lỗi
	* Thông số kỹ thuật:
	Dung tích: ≥ 25 lít
	Tiêu thụ năng lượng: $\leq 1,8$ kW
1	Nắp đậy:
	Đậy kín buồng chiết xuất, ngăn ngừa rò rỉ áp suất trong suốt quá trình sử dụng
2	Thân máy
	phần chứa buồng chiết xuất và các thành phần khác.

3	Tay cầm ép
	Xoay tay cầm theo chiều kim đồng hồ để hạ tấm ép xuống và ngược chiều kim đồng hồ để nâng tấm ép lên
4	Bảng điều khiển
	Dùng để điều chỉnh nhiệt độ, áp suất, và thời gian chiết xuất
	Công tắc nguồn/chế độ hoạt động/hẹn giờ. Nhấn liên tục để chuyển đổi giữa các chế độ
	Cài đặt chế độ hẹn giờ:
	Sau khi cài đặt thời gian hẹn giờ, chế độ này sẽ tự động khởi động sau 3-5 giây.
	Điều chỉnh nhiệt độ:
	Nhấn nút tăng/giảm để điều chỉnh nhiệt độ mong muốn.
	Nhiệt độ sẽ tự động lưu sau khi điều chỉnh xong
	Điều chỉnh thời gian hoạt động: Sử dụng các nút tăng/giảm để cài đặt thời gian hoạt động. Thời gian sẽ tự động lưu sau khi cài đặt xong
	Thiết lập hoạt động: Sau khi cài đặt nhiệt độ và thời gian phù hợp với vật liệu chiết xuất, máy sẽ vận hành trong khoảng thời gian cài đặt và tự động điều chỉnh bộ gia nhiệt theo nhiệt độ đã chọn.
	Hoàn tất thời gian hoạt động: Khi kết thúc, còi sẽ kêu và đèn báo hoạt động (đèn thời gian) sẽ nhấp nháy.
	Báo lỗi: Nếu còi báo và đèn của bộ gia nhiệt nhấp nháy cùng lúc, có thể cảm biến nhiệt độ bị lỗi hoặc máy quá nhiệt.
5	Đồng hồ đo áp suất và van xả áp
	Đồng hồ đo áp suất: Hiển thị áp suất bên trong máy (áp suất an toàn: 1.2 – 1.6 kg/cm ²)
	Van xả áp: Xả áp suất trong hoặc sau khi chiết xuất.
6	Chốt an toàn:
	Khi áp suất vượt quá mức cho phép, chốt an toàn sẽ tự động xả áp suất
7	Tay cầm siết
	Duy trì áp suất siết giữa nắp và thân máy
8	Van truyền chiết xuất
	Sau khi chiết xuất, van này truyền dung dịch chiết xuất đến máy đóng gói hoặc bình chứa riêng
9	Van vệ sinh
	Sau khi vệ sinh, van này giúp xả cặn bã khỏi máy chiết xuất.

STT	Yêu cầu về đặc tính, cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
3	Máy đóng sắc thuốc
A	Yêu cầu chung
	- Năm sản xuất: 2025 trở về sau, mới 100%
	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương
	- Nguồn điện sử dụng: 220V/50Hz
B	Yêu cầu cấu hình
	- Máy chính: 01
	- Bảng điều khiển: 01
	- Bể chứa thủy tinh: 01
	- Van xả bồn chứa: 01
	- Khu vực gắn phim: 02
	- Thiết bị dán và cắt phim gồm 3 con lăn quay: 01
	- Dây nguồn: 01
	- Tài liệu Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01
C	Chỉ tiêu kỹ thuật
	* Tính năng:
	Hệ thống đóng gói 4 cạnh
	Có thể điều chỉnh nhiệt độ của phần đóng túi
	Có thể đổi hướng con lăn khi bị kẹt phim
	* Thông số kỹ thuật:
	Tốc độ đóng gói: 10 ~ 13 sản phẩm/phút
	Kích thước đóng gói: 156 × 100 mm (túi) ± 10%, 80 ~ 120 g
	Dung tích: ≥ 30 lít
	Công suất: ≤ 2,5 kW
	Kích thước máy: 500 × 540 × 1200 mm
1	Bể chứa thủy tinh
	Bể chứa thuốc cần đóng gói. (Bộ gia nhiệt tiết trùng được lắp đặt trên đáy bể)
2	Khu vực gắn phim
	Khu vực để gắn cuộn phim, dùng làm vỏ gói thuốc
3	Bảng điều khiển
	1. Điều chỉnh nhiệt độ tại mép hàn trái-phải
	Điều chỉnh nhiệt độ tại điểm liên kết giữa hai bên trái và phải của phim.
	Khi điều chỉnh nhiệt độ, tinh chỉnh quy mô khoảng một nửa
	2. Điều chỉnh nhiệt độ tại mặt hàn trên - dưới

	Điều chỉnh nhiệt độ tại điểm liên kết giữa bề mặt trên và dưới của phim
	Khi điều chỉnh nhiệt độ, tinh chỉnh núm vặn chỉ khoảng một nửa
	3. Núm hiệu chỉnh vi mô nhiệt độ mép hàn hai bên trái-phải: Không tự ý điều chỉnh
	4. Núm hiệu chỉnh vi mô nhiệt độ mặt hàn trên-dưới: Không tự ý điều chỉnh
	5. Đồng hồ đếm
	Hiển thị lượng thuốc đã được dán/đóng gói sau khi bật công tắc vận hành.
	Sau khi bật công tắc bơm/nạp, nhấn nút RESET để hiển thị số lượng đóng gói
	6. Nút RESET
	Đặt lại màn hình bộ đếm về “000”
	7. Núm điều chỉnh lưu lượng bơm/nạp
	Khi điều chỉnh công suất tiêm, tinh chỉnh quy mô khoảng một nửa
	8. Công tắc hoạt động
	Kích hoạt quá trình dán phim để hàn kín và cắt phim.
	9. Công tắc tiêm (bơm/ nạp)
	Thực hiện bơm/nạp nguyên liệu
	Chỉ bơm khi công tắc vận hành đang bật.
	10. Công tắc vệ sinh
	Chỉ dùng để vệ sinh đường cấp nguyên liệu (đường bơm/nạp).
	11. Công tắc nguồn (POWER)
	Cung cấp nguồn điện
	12. Công tắc quay thuận / quay ngược
	Quay thuận: Chuyển sang chế độ này để cung cấp màng phim đóng gói một cách bình thường.
	Đảo ngược: Thực hiện quay đảo ngược khi màng phim đang được cấp vào mà bị kẹt trong con lăn truyền động.
	13. Công tắc gia nhiệt tiết trùng
	Dùng để tiết trùng sản phẩm trong bể thủy tinh.

STT	Yêu cầu về đặc tính, cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
4	Bàn kéo dẫn cột sống lưng – cổ
A	Yêu cầu chung
	- Năm sản xuất: 2025 trở về sau, mới 100%
	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485
	- Nguồn điện: 220-240VAC/50Hz

B	Yêu cầu cấu hình
	Máy chính kèm phụ kiện : 01 bộ, bao gồm :
	-Máy chính : 01 cái
	-Thiết bị dừng khẩn cấp : 01 cái
	-Bàn kéo nâng hạ bằng điện đồng bộ chính hãng: 01 bộ
	+ Đai ngực, lưng, cổ: 01 bộ
C	Yêu cầu kỹ thuật
*	Máy kéo giãn
	Chế độ kéo: ngắt quãng (gián đoạn); Liên tục (tĩnh) và hỗn hợp (Điều hòa)
	Thời gian điều trị: 0 – ≥99 phút
	Hiển thị: Màn hình LED hoặc đồ họa
	Lực kéo lưng: Tối đa ≥91kg
	Lực kéo cổ: Tối đa ≤20kg
	Thời gian giữ: 0 – ≥99 giây
	Thời gian nghỉ: 0 – ≥99 giây
	Cấp độ an toàn: I Loại B hoặc tương đương
	Cầu chì: 0,6A/220-240V
	Công suất đầu vào: ≤150VA
*	Giường kéo giãn nâng hạ
	Bàn kéo ≥4 phần cho cổ và thắt lưng
	Dễ dàng vận chuyển với bánh xe
	Điều chỉnh điện nâng phần giữa giường: 0 độ đến 26 độ
	Góc xoay ngang: 60 độ -0 độ - 60 độ

D - Yêu cầu khác (áp dụng đối với tất cả các hạng mục nêu trên):

- Thời gian giao hàng, lắp đặt: ≤ 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực tại Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên.

- Cam kết khảo sát hiện trạng trước khi thông báo giao hàng và mọi chi phí do nhà thầu chịu trách nhiệm.

- Cam kết cung cấp: Đối với hàng hóa nhập khẩu: các chứng nhận xuất xứ (C/O), chứng nhận chất lượng (C/Q), tờ khai hải quan, hóa đơn thương mại (Invoice), phiếu đóng gói (Packing list), vận tải đơn (bill) khi giao hàng, ... (đối với máy chính và các cấu kiện / phụ kiện đi kèm Máy chính); đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Phiếu xuất kho hoặc Phiếu xuất xưởng, ...

- Đào tạo, hướng dẫn sử dụng thành thạo và chuyển giao công nghệ cho người sử dụng tại Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên. Hỗ trợ cài đặt, xử lý sự cố, nâng cấp phần mềm và hỗ trợ kết nối LIS (nếu có).

- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Bảo trì miễn phí 06 tháng/lần trong suốt thời gian bảo hành.

- Cam kết cung cấp linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế trong vòng 07 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư có yêu cầu xử lý sự cố trong thời gian bảo hành.

- Cam kết cung cấp linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế trong vòng ít nhất 08 năm. Cam kết hỗ trợ miễn phí kiểm tra đánh giá tình trạng hư hỏng thiết bị y tế sau khi hết thời gian bảo hành.

- Cam kết có mặt trong vòng 24 giờ để xử lý sự cố khi nhận được yêu cầu của người sử dụng.

1.3. Các yêu cầu khác:

*** Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:**

Đối với toàn bộ hàng hóa:

- Có Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật khác của Nhà sản xuất có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa chào thầu (Nếu là ngôn ngữ nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt) có đầy đủ nội dung chứng minh thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa tham dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT và chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch). Đồng thời, nhà thầu **cần đánh dấu (Highlight) thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT.**

Đối với hàng hóa là Thiết bị y tế: Nộp thêm các tài liệu sau.

- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA hoặc tương đương của nhà sản xuất còn hiệu lực với các mặt hàng tham dự.

- Sổ lưu hành còn hiệu lực bao gồm Sổ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B do Sở Y tế cấp hoặc Sổ giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D do Bộ Y tế cấp và Kết quả phân loại thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ.

Lưu ý:

- Trong trường hợp Nhà thầu chứng minh hàng hóa chào thầu không phải là Thiết bị y tế (*Thiết bị phòng thí nghiệm hoặc thiết bị thí nghiệm dùng trong y tế hoặc thiết bị phụ trợ dùng cho y tế*) thì Nhà thầu không cần nộp Số lưu hành và Kết quả phân loại thiết bị y tế cho hàng hóa đó.

- Hàng hóa dự thầu đã được kê khai giá (Đối với hàng hóa bắt buộc kê khai giá theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03/11/2024 của Bộ Y tế) hoặc niêm yết giá Thiết bị y tế theo Khoản 9 & 10, Điều 1, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023.

- Nhà thầu có cam kết tại thời điểm đối chiếu tài liệu hoặc hoàn thiện hợp đồng: Nhà thầu phải nộp các tài liệu chứng minh **khả năng cung ứng hàng hóa có nguồn gốc rõ ràng và hợp lệ**, nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật theo quy định về “Điều kiện ký kết hợp đồng” tại Khoản 2 Điều 66 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15. Trường hợp Nhà thầu không thể cung cấp tài liệu chứng minh, Nhà thầu sẽ không đủ điều kiện xét trúng thầu theo hướng dẫn tại Khoản 19 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với yêu cầu lắp đặt, giao hàng, tuổi thọ của hàng hóa: Cam kết tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai, nguyên kiện theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.

- *Lưu ý: Khi bàn giao hàng hóa, tất cả hồ sơ giấy tờ của sản phẩm phải **gồm 03 bản, được đóng thành 03 quyển**, Hồ sơ chứng từ **phải là Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực** của cơ quan có chức năng phù hợp với quy định của pháp luật, trường hợp đối với tài liệu không công chứng được theo quy định (Như chứng từ nhập khẩu) thì nhà thầu phải đóng dấu xác nhận của nhà nhập khẩu và cam kết tài liệu là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu nhà thầu cung cấp; đối với tài liệu không phải là tiếng Việt nhà thầu cung cấp kèm **bản dịch thuật hợp pháp** sang tiếng Việt của đơn vị, cơ quan có chức năng.*

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải kiểm định theo yêu cầu của Nhà nước Việt Nam, nhà thầu phải cho tiến hành kiểm định và cung cấp đầy đủ chứng chỉ kiểm định trước khi giao hàng. Chi phí kiểm định do nhà thầu chịu

Mục 2. Bản vẽ: “Không có bản vẽ”

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Việc kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa được yêu cầu sẽ được Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên và nhà thầu trúng thầu thống nhất tại giai đoạn hoàn thiện hợp đồng và nêu cụ thể trong hợp đồng được ký kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc

tính kỹ thuật theo E-HSMT hoặc không thích ứng với các thiết bị hiện có thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.